BẤT CẬP TRONG CÁC QUY ĐỊNH VỀ THẨM QUYỀN GIÁM SÁT NGÂN HÀNG Ở VIỆT NAM

ThS. Viên Thế Giang

Tóm tắt: *Hoạt động ngân hàng, về bản chất là hoạt động kinh doanh mang nhiều rủi ro. Vì vậy, một trong những mục tiêu quan trọng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) là bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng và của hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD). Do đó, hoạt động ngân hàng được nhiều chủ thể khác nhau giám sát như bảo hiểm tiền gửi (BHTG), thị trường, người gửi tiền... trong đó, hoạt động giám sát của NHNN được coi là quan trọng nhất. Thẩm quyền giám sát ngân hàng được giao cho Cơ quan Thanh tra, Giám sát Ngân hàng. Một trong những điểm mới quan trọng của Luật NHNN Việt Nam năm 2010 là bổ sung thêm quy định về giám sát ngân hàng, song quy định này đã dẫn đến tình trạng có sự chồng chéo trong thẩm quyền giám sát hoạt động ngân hàng của các TCTD. Nghiên cứu này nhằm làm rõ những bất cập trong thẩm quyền giám sát ngân hàng của các cơ quan có thẩm quyền từ đó kiến nghị các giải pháp nhằm tháo gỡ những bất cập này.*

Từ khóa: *Thanh tra giám sát, thẩm quyền giám sát, bảo hiểm tiền gửi.*

Thẩm quyền giám sát ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành

Giám sát ngân hàng của tổ chức bảo hiểm tiền gửi

Thẩm quyền giám sát của tổ chức BHTG đối với tổ chức nhận tiền gửi được quy định tại Nghị định 89/1999/NĐ-CP ngày 01/9/1999 về BHTG, Nghị định 109/2005/NĐ-CP ngày 24/8/2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 89/1999/NĐ-CP, Quyết định 218/1999/QĐ-TTg về việc thành lập BHTG Việt Nam ngày 09/11/1999 và Quyết định 75/2000/QĐ-TTg ngày 28/6/2000 quy định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của BHTG Việt Nam. Theo đó, tổ chức BHTG được quyền tiến hành kiểm tra việc các tổ chức tham gia BHTG chấp hành các qui định về BHTG, được quyền tiến hành theo dõi, giám sát và kiểm tra việc chấp hành các quy định về an toàn trong hoạt động của các tổ chức tham gia BHTG. Từ các quy định trên cho thấy, tổ chức BHTG thực hiện quyền giám sát của mình trên cả ba hình thức: (i) Thanh tra tại chỗ; (ii) Giám sát trực tiếp; (iii) Giám sát từ xa đối với cả quy định về BHTG và quy định về an toàn trong hoạt động của các tổ chức tham gia BHTG.

Thực hiện quy định về giám sát tổ chức tham gia BHTG, tổ chức BHTG Việt Nam đã xây dựng, ban hành các văn bản và quy trình nghiệp vụ về giám sát từ xa, xây dựng các chỉ tiêu giám sát về hoạt động của TCTD, áp dụng kỹ thuật tổng hợp, phân tích, đánh giá sự tuân thủ pháp luật cũng như những thay đổi trong điều kiện hoạt động của tổ chức tham gia BHTG. Thông qua hoạt động giám sát từ xa, BHTG Việt Nam đã phát hiện 4638 lượt tổ chức tham gia BHTG có vi phạm trong hoạt động, trong đó số lượt vi phạm các quy định về tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng chiếm 83,7% (NHNN, 2009, trang 100). Về hoạt động kiểm tra tại chỗ, tính đến hết tháng 12/2010 BHTG Việt Nam đã tiến hành 2.722 cuộc kiểm tra, phát hiện hơn 86 trường hợp tính thiếu phí

BHTG và thu về cho quỹ BHTG trên 32 tỷ đồng; phát hiện và kiến nghị khắc phục các tồn tại, sai phạm về niêm yết Chứng nhận BHTG, về quản lý, hạch toán tiền gửi thuộc đối tượng bảo hiểm, chấp hành quy định thông tin báo cáo đối với BHTG Việt Nam (Chính phủ, 2011b, trang 22). Trên cơ sở những sai phạm này, BHTG Việt Nam đã tiến hành tư vấn biện pháp chỉnh sửa, hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể cho cán bộ, tư vấn các biện pháp quản lý và nâng cao chất lượng tín dụng, quản lý khách hàng (NHNN, 2009, trang 100).

Bên cạnh những hoạt động này, BHTG Việt Nam cũng đã phối hợp với NHNN trong việc thực hiện nghiệp vụ giám sát đối với tổ chức tham gia BHTG trong phạm vi cả nước. Ở mức độ khái quát, có thể đánh giá hoạt động giám sát của BHTG cùng với hoạt động thanh tra của NHNN đã góp phần quan trọng vào việc bảo đảm an toàn hệ thống TCTD cũng như bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền. Điều này được thể hiện ở chỗ BHTG Việt Nam đã thực hiện trả tiền bảo hiểm đối với 37 Quỹ Tín dụng Nhân dân cơ sở tại 11 tỉnh, thành phố gồm Hà Nội, Bắc Giang, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Kiên Giang, Long An, Nam Định, Quảng Ngãi, Thái Bình và Vĩnh Phúc với tổng số tiền là 18,79 tỷ đồng cho 1.519 lượt người gửi tiền, chiếm 0,27% tổng nguồn vốn của BHTG Việt Nam (Chính phủ, 2011a, trang 22).

Thẩm quyền giám sát ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước

Luật các TCTD năm 1997 (sửa đổi năm 2004) không có quy định về giám sát ngân hàng mà chỉ có quy định về thanh tra ngân hàng, song hoạt động giám sát ngân hàng đã từng bước được quy định trong các văn bản pháp luật của NHNN. Cụ thể:

Một là, giao cho cơ quan thanh tra ngân hàng thực hiện nhiệm vụ giám sát ngân hàng theo Quyết định 398/1999/QĐ-NHNN3 ngày 09/11/1999. Theo đó, Thanh tra NHNN thực hiện giám sát toàn hệ thống đối với TCTD nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, TCTD liên doanh, TCTD phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài, Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương. Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố giám sát đối với TCTD cổ phần của nhà nước và nhân dân, các chi nhánh của TCTD, chi nhánh của TCTD phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (Điều 5, Quyết định 398/1999/QĐ-NHNN3).

Hai là, thành lập cơ quan Thanh tra, Giám sát Ngân hàng là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của NHNN, thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giám sát ngân hàng, phòng, chống rửa tiền, cụ thể Cơ quan Thanh tra, Giám sát Ngân hàng thực hiện chức năng thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và giám sát chuyên ngành về ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN; tham mưu, giúp Thống đốc NHNN quản lý nhà nước đối với các TCTD, tổ chức tài chính quy mô nhỏ, hoạt động ngân hàng của các tổ chức khác. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng thực hiện hoạt động giám sát chuyên ngành về ngân hàng theo quy định của pháp luật và phân công của Thống đốc NHNN, bao gồm: (i) Giám sát các đối tượng giám sát ngân hàng trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn hoạt động ngân hàng, về tiền tệ và hoạt động ngân hàng, các điều kiện cấp phép, các quy định trong giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động ngân hàng; (ii) Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hoạt động, quản trị, điều hành và mức độ rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng; phát hiện, cảnh báo các rủi ro gây mất an toàn hoạt động ngân hàng và nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng; (iii) Kiểm tra, xác minh, tiến hành tiếp xúc trực tiếp với đối tượng giám sát ngân hàng; (iv) Thu thập, tổng hợp, xử lý tài liệu, thông tin có liên quan và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ

giám sát ngân hàng; (v) Yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng báo cáo, cung cấp định kỳ hoặc khi cần thiết các tài liệu, thông tin có liên quan; (vi) Yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng phải thực hiện kiểm toán độc lập để phục vụ yêu cầu thanh tra, giám sát ngân hàng trong trường hợp cần thiết; (vii) Kiến nghị Thống đốc NHNN, cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý rủi ro, vi phạm pháp luật, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành, hủy bỏ những quy định trái pháp luật hoặc ảnh hưởng đến an toàn hoạt động ngân hàng; (viii) Áp dụng biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn để bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng trong trường hợp khẩn cấp.

Như vậy, trước khi Luật các TCTD 2010 có hiệu lực, hoạt động giám sát ngân hàng ở nước ta được thực hiện bằng văn bản dưới luật do NHNN ban hành. Luật các TCTD 2010 chính thức luật hóa thẩm quyền giám sát ngân hàng của NHNN bằng việc đưa ra khái niệm giám sát ngân hàng, nội dung, đối tượng giám sát ngân hàng đã tạo lập hành lang pháp lý thống nhất cho hoạt động giám sát ngân hàng ở nước ta.

Bất cập trong các quy định pháp luật về thẩm quyền giám sát ngân hàng ở Việt Nam

Đối với hoạt động giám sát của tổ chức bảo hiểm tiền gửi

Thứ nhất, BHTG Việt Nam mới chỉ làm tốt mục tiêu thứ nhất là bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, thông qua các hoạt động cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho các tổ chức tham gia BHTG; thu phí bảo hiểm; cung cấp thông tin, tư vấn cho người gửi tiền; thực hiện nhiệm vụ chi trả bảo hiểm khi tổ chức tham gia bảo hiểm bị phá sản và cuối cùng là tiến hành xử lý (thanh lý và thu nợ) đối với tổ chức tham gia BHTG bị đóng cửa, còn mục tiêu góp phần duy trì sự ổn định của các TCTD và bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng chưa thực hiện tốt.

Thứ hai, chưa có cơ chế pháp lý bảo đảm việc thực hiện kết luận giám sát của tổ chức BHTG, do đó tổ chức tham gia BHTG có thực hiện nó hay không là "quyền" của họ, làm ảnh hưởng đáng kể đến giá trị của các kết luận giám sát của tổ chức BHTG.

Thứ ba, trong quá trình giám sát tổ chức tham gia BHTG, tổ chức BHTG có thể phát hiện ra những sai phạm của tổ chức tham gia BHTG trong chấp hành các quy định của pháp luật, song tổ chức BHTG không có thẩm quyền xử lý những sai phạm này vì BHTG Việt Nam chỉ "là tổ chức tài chính nhà nước"; trong khi đó, pháp luật hiện hành chưa có quy định về cơ chế phối hợp giữa BHTG và các cơ quan hữu quan trong việc xử lý vi phạm của tổ chức tham gia BHTG. Điều này sẽ làm ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện kết luận giám sát của tổ chức BHTG.

Đối với hoạt động giám sát của Ngân hàng Nhà nước

Một là, mặc dù đã có quy định nhằm phân biệt thanh tra và giám sát ngân hàng, song việc phân biệt này vẫn chưa rõ ràng. Dưới góc độ luật học, thanh tra chỉ việc xem xét để làm rõ việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, kế hoạch nhà nước của cơ quan, tổ chức, cá nhân và việc giải quyết khiếu nại tố cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Viện Khoa học Pháp lý, 2006, trang 696); giám sát là nói tới sự theo dõi, quan sát mang tính chủ động thường xuyên của cơ quan, tổ chức hoặc nhân dân đối với hoạt động của các đối tượng chịu giám sát và tác động bằng các biện pháp tích cực để buộc và hướng các hoạt động đó đi đúng quỹ đạo, quy chế nhằm đạt được mục đích, hiệu quả đã được xác định từ trước, bảo đảm cho hiến pháp và pháp luật được tuân thủ nghiêm minh (Viện Khoa học Pháp lý, 2006, trang 292). Do vậy, việc quy định mục đích, nguyên tắc thanh tra, giám sát ngân hàng giống nhau sẽ không làm rõ

được vị trí, vai trò, mục đích của các hoạt động này đối với TCTD.

Hai là, mặc dù Luật NHNN 2010 đã bổ sung thêm nhiều quy định về giám sát rủi ro ngân hàng như xem xét, theo dõi tình hình chấp hành các quy định về an toàn hoạt động ngân hàng và các quy định khác của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra và khuyến nghị, cảnh báo về giám sát ngân hàng; phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hoạt động, quản trị, điều hành và mức độ rủi ro của TCTD; xếp hạng các TCTD hằng năm; phát hiện, cảnh báo rủi ro gây mất an toàn hoạt động ngân hàng và nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kiến nghị, đề xuất biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý rủi ro, vi phạm pháp luật, song hoạt động giám sát ngân hàng vẫn chưa phát huy được vai trò trong việc giám sát thị trường ngân hàng. Điều này được thể hiện ở các khía cạnh: (i) Cơ quan Thanh tra, Giám sát Ngân hàng vào cuộc chậm hơn so với báo giới trong phát hiện cuộc đua lãi suất huy động của các TCTD đầu năm 2011 dẫn đến hiệu quả của Thông tư 02/2011/TT-NHNN về trần lãi suất huy động vốn không đạt được mục tiêu hạ lãi suất theo yêu cầu kiềm chế lạm phát. Nói cách khác, Cơ quan Thanh tra, Giám sát Ngân hàng chưa làm tốt việc xem xét, theo dõi tình hình chấp hành các quy định về an toàn hoạt động ngân hàng và các quy định khác của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng, việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra và khuyến nghị, cảnh báo về giám sát ngân hàng; (ii) Trong suốt năm 2011 mặc dù thị trường ngân hàng có nhiều biến động theo chiều hướng xấu ảnh hưởng đến tâm lý người gửi tiền nhưng Cơ quan Thanh tra, Giám sát Ngân hàng không đưa ra được những khuyến cáo cần thiết để định hướng thị trường; (iii) Hoạt động giám sát an toàn vốn tối thiểu của các TCTD không đạt được yêu cầu đã dẫn đến Chính phủ buộc phải "gia hạn" tăng vốn pháp định đối với các TCTD đến 31/12/2011 (Võ Thị Mỹ Hương và Viên Thế Giang, 2011). Tuy nhiên, kết thúc thời gian gia hạn, việc tăng vốn của các TCTD vẫn chưa bảo đảm tính bền vững, thể hiện ở việc một số ngân hàng thương mại mới chỉ được "chấp thuận góp thêm vốn về nguyên tắc".

Kết luận và kiến nghị

Từ những quy định này cho thấy, hoạt động giám sát ngân hàng vừa do BHTG Việt Nam thực hiện, vừa do NHNN thực hiện. Có thể khẳng định, BHTG đã làm tốt được vai trò của nó trong việc giám sát hoạt động của tổ chức tham gia BHTG. Tuy vậy, trong điều kiện Luật NHNN đã quy định quyền quản lý nhà nước về BHTG thì việc tiếp tục giao cho tổ chức BHTG quyền giám sát hoạt động ngân hàng sẽ tạo sự chồng chéo trong chức năng, nhiệm vụ của NHNN và sẽ: (i) Gây tốn kém chi phí xã hội khi hai cơ quan cùng thực hiện một chức năng; (ii) Tạo gánh nặng cho các TCTD khi phải chịu sự thanh tra của hai cơ quan khác nhau; cụ thể trong việc chịu sự thanh tra tại chỗ, xây dựng các báo cáo theo các yêu cầu của các cơ quan khác nhau, báo cáo và giải trình việc tuân thủ quy định của pháp luật; (iii) Gây khó khăn cho TCTD trong trường hợp các kết luận thanh tra không thống nhất (Chính phủ, 2011a, trang 7).

Để bảo đảm tính thống của pháp luật, nhằm nâng cao hiệu quả giám sát ngân hàng cũng như thu hẹp đầu mối nhằm nâng cao chất lượng và giá trị của kết luận giám sát ngân hàng, tác giả kiến nghị một số biện pháp sau:

Một là, thống nhất thẩm quyền giám sát ngân hàng về NHNN để bảo đảm tính thống nhất của pháp luật về giám sát ngân hàng bởi lẽ:
Thứ nhất, pháp luật hiện hành giao cho NHNN thực hiện chức năng kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng thông qua Cơ quan Thanh tra, Giám sát Ngân hàng. Theo đó, cơ quan này trực thuộc NHNN, thực hiện chức năng thanh tra hành chính, thanh tra

chuyên ngành và giám sát chuyên ngành về ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN; tham mưu, giúp Thống đốc NHNN quản lý nhà nước đối với các TCTD, tổ chức tài chính quy mô nhỏ, hoạt động ngân hàng của các tổ chức khác; thực hiện phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật (Khoản 1 Điều 1 Quyết định 83/2009/QĐ-TTg, ngày 27/5/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, Giám sát Ngân hàng trực thuộc NHNN).

Thứ hai, Luật NHNN 2010 đã có quy định để giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa việc thực hiện hoạt động giám sát ngân hàng và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động thanh tra giám sát cũng như các yêu cầu giám sát ngân hàng hoạt động tại Việt Nam. Theo đó, trong trường hợp có sự khác nhau giữa quy định về thanh tra, giám sát ngân hàng của Luật này với quy định của luật khác thì thực hiện theo quy định của Luật NHNN. Như vậy, Luật NHNN xác định ưu tiên áp dụng luật chuyên ngành về giám sát ngân hàng là phù hợp, bảo đảm được tính độc lập, quyền hạn, tính minh bạch và sự hợp tác trong giám sát ngân hàng theo tiêu chuẩn của Basel II. Để bảo đảm sự phối hợp giữa NHNN với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động giám sát hoạt động của ngân hàng nước ngoài, NHNN trao đổi thông tin và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thanh tra, giám sát ngân hàng của nước ngoài trong việc thanh tra, giám sát đối tượng thanh tra, giám sát ngân hàng nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và đối tượng thanh tra, giám sát ngân hàng của Việt Nam hoạt động ở nước ngoài; thỏa thuận với cơ quan có thẩm quyền thanh tra, giám sát ngân hàng của nước ngoài về hình thức, nội dung, cơ chế trao đổi thông tin và

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HCM
39 Hàm Nghi - Q.1 - Thành phố Hồ Chí Minh ĐT: 08 - 38214055

CHIÊU SINH KHÓA MỚI

ĐÀO TẠO TIẾNG NHẬT TỪ SƠ CẤP ĐẾN TRUNG CẤP
VÀ TIẾNG NHẬT CHO NGƯỜI ĐI XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG

LUYỆN THI VÀ TỔ CHỨC THI CCQG TIẾNG ANH A, B, C

TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH
KINH TẾ - TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Khóa học dành cho các chuyên viên làm việc trong các Ngân hàng, sinh viên chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng và các cơ quan Tài chính. Chương trình học kéo dài 06 tháng được chia làm 04 giai đoạn. Chương trình học phong phú, đa dạng, kết hợp việc học lý thuyết với nghiệp vụ (những nghiệp vụ thực tế đang được áp dụng trong các ngân hàng). Sau khi kết thúc khóa học, học viên được Trường Đại học Ngân hàng HCM cấp chứng chỉ Tiếng Anh Chuyên Ngành Kinh Tế - Tài Chính - Ngân Hàng trình độ B hoặc C.

phối hợp thanh tra, giám sát phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Nói cách khác, Luật NHNN đã xác lập cơ chế pháp lý hoàn chỉnh cho việc thực hiện nhiệm vụ giám sát ngân hàng, do vậy, việc tiếp tục cho phép tổ chức BHTG giám sát tổ chức tham gia BHTG là không cần thiết.

Thứ ba, Luật NHN năm 2010 đã quy định cụ thể đối tượng giám sát ngân hàng. Kế thừa quy định về giám sát ngân hàng theo pháp luật hiện hành, Luật NHNN 2010 tiếp tục khẳng định, NHNN thực hiện việc giám sát ngân hàng đối với mọi hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngoài ra Luật NHNN 2010 bổ sung thêm các đối tượng giám sát ngân hàng: (i) Trong trường hợp cần thiết, NHNN yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền giám sát hoặc phối hợp giám sát công ty con, công ty liên kết của TCTD; (ii) Tổ chức có hoạt động ngoại hối, hoạt động kinh doanh vàng, tổ chức hoạt động thông tin tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không phải là ngân hàng; (iii) Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN.

Hai là, thiết lập cơ chế pháp lý cho việc cung cấp, chia sẻ thông tin và cơ chế phối hợp trong giám sát ngân hàng giữa BHTG và Cơ quan Thanh tra Giám sát ngân hàng theo hướng tổ chức BHTG phải định kỳ báo cáo kết quả giám sát tổ chức nhận tiền gửi cho Cơ quan Thanh tra, Giám sát Ngân hàng; tư vấn, kiến nghị biện pháp xử lý đối với những sai phạm phát hiện được trong quá trình giám sát...; trong quá trình thực hiện chức năng giám sát, nếu phát hiện sai phạm, tổ chức BHTG phải có nghĩa vụ báo cáo hoặc phối hợp với Cơ quan Thanh tra, Giám sát Ngân hàng để xử lý■

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2011a). Hồ sơ Dự án Luật Bảo hiểm tiền gửi trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hà Nội tháng 9/2011. Tài liệu số 4 "Báo cáo đánh giá tác động Dự thảo Luật Bảo hiểm tiền gửi".

2. Chính phủ (2011b). Hồ sơ Dự án Luật Bảo hiểm tiền gửi trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hà Nội tháng 9/2011. Tài liệu số 5 "Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật về Bảo hiểm tiền gửi giai đoạn 1999 - 2010".

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2009). Kỷ yếu các công trình nghiên cứu khoa học ngành ngân hàng. Quyển II, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

4. Viện Khoa học – Pháp lý (2006). Từ điển Luật học. Nhà xuất bản Từ điển bách khoa - Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

5. Viên Thế Giang (2011). Giám sát ngân hàng theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010. Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng số tháng 3/2011.

6. Viên Thế Giang (2011). Một số vấn đề pháp lý cần quan tâm khi lựa chọn mô hình giám sát tài chính ở Việt Nam hiện nay. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số tháng 6/2011.

7. Võ Thị Mỹ Hương và Viên Thế Giang (2011). Bàn thêm về quyết định gia hạn tăng vốn pháp định của các tổ chức tín dụng. Tạp chí Ngân hàng số 14, tháng 7/2011.